

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán	5 – 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán:	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	20 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sara Việt Nam trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101476469 đăng ký lần đầu ngày 12/04/2004, thay đổi lần thứ 21 ngày 30/07/2021 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt: SARA.,JSC

Trụ sở chính của Công ty tại: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 431.999.740.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi một tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Tương đương với 43.199.974 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là SRA.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Kazuya Kirino	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Văn Ba	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Tâm	Thành viên HĐQT

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trịnh Thị Duyên	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đậu Thị Liễu	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Vũ Thị Kim Ngân	Thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Tâm

Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng

Người đại diện trước pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Minh Tâm

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT – BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Tâm



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 188/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2023
của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam*

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sara Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở ý kiến ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.4, tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang tồn tại các khoản ứng trước liên quan đến hợp đồng cung cấp thiết bị cho Công ty TNHH Thiết bị Y học Nhật với số tiền 41.880.000.000 VND; Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản với số tiền 51.215.980.000 VND. Các hợp đồng này phát sinh từ tháng 01/2021 và đã quá thời hạn giao hàng như các điều khoản Hợp đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán, chúng tôi không thể xác định khả năng thu hồi của khoản công nợ này.

Ý kiến của kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại “cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP



Phó Tổng Giám đốc
Hoàng Kim Thùy
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
số 1464-2023-133-1

Kiểm toán viên

Phùng Văn Lữ
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
số 4075-2022-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		401.825.528.865	368.386.895.771
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	7.697.651.659	23.720.320.781
1. Tiền	111		7.697.651.659	8.720.320.781
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	40.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		303.400.157.648	316.735.782.910
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	27.288.144.973	56.674.471.473
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	270.559.163.327	259.272.724.500
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	6.296.140.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.311.709.348	788.586.937
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(2.055.000.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140	8	48.266.948.311	25.987.062.808
1. Hàng tồn kho	141		49.806.948.311	25.987.062.808
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.540.000.000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.460.771.247	1.943.729.272
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	84.094.553	351.858.665
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.376.676.694	1.591.870.607
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		255.736.824.351	281.303.500.475
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.118.899.930	10.093.899.930
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	10.118.899.930	10.093.899.930
II. Tài sản cố định	220		1.990.766.895	1.045.537.213
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.990.766.895	1.045.537.213
- Nguyên giá	222		4.858.389.287	3.485.124.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.867.622.392)	(2.439.586.801)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	9	38.152.336.818	64.565.838.386
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		38.152.336.818	64.565.838.386
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	2	204.227.000.000	204.227.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		204.227.000.000	204.227.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.247.820.708	1.371.224.946
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.247.820.708	1.371.224.946
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		657.562.353.216	649.690.396.246

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		23.236.683.388	19.768.135.104
I. Nợ ngắn hạn	310		23.236.683.388	17.651.335.104
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	9.011.980.036	14.469.861.762
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	55.025.204	1.101.748.283
3. Phải trả người lao động	314		1.048.075.524	1.129.442.291
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	97.397.260	39.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	852.430.777	856.308.181
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	10.000.000.000	-
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	2.116.800.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54.974.587	54.974.587
II. Nợ dài hạn	330		-	2.116.800.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	-	2.116.800.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		634.325.669.828	629.922.261.142
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	634.325.669.828	629.922.261.142
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		431.999.740.000	431.999.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		431.999.740.000	431.999.740.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(193.750.000)	(193.750.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.863.107.311	2.863.107.311
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		194.024.695.283	189.517.049.225
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		189.062.566.594	156.385.599.023
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.962.128.689	33.131.450.202
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.631.877.234	5.736.114.606
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		657.562.353.216	649.690.396.246

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Tâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	40.803.491.146	107.330.583.242
2. Các khoản giảm trừ	02	2	28.819.074	26.902.982
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		40.774.672.072	107.303.680.260
4. Giá vốn hàng bán	11	3	32.044.218.063	65.816.119.285
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		8.730.454.009	41.487.560.975
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4	4.834.865.003	221.804.839
7. Chi phí tài chính	22	5	1.311.174.715	9.258.667
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.158.745.103	9.258.667
8. Chi phí bán hàng	24	8.a	1.267.098.917	1.400.659.153
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.b	7.937.658.105	6.189.201.819
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		3.049.387.275	34.110.246.175
11. Thu nhập khác	31	6	2.142.748.891	603.926.527
12. Chi phí khác	32	7	226.264.942	253.146.280
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.916.483.949	350.780.247
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.965.871.224	34.461.026.422
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	10	3.742.535	723.053.450
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.962.128.689	33.737.972.972
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ			4.884.724.338	33.164.052.176
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			77.404.351	573.920.796
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	11	113	768

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Tâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Phương pháp gián tiếp

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.407.151.221	34.461.026.422
2. Điều chỉnh cho các khoản		(879.298.561)	(294.190.009)
- Khấu hao tài sản cố định	02	428.035.591	520.665.175
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(176.502.548)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.466.079.255)	(647.611.303)
- Chi phí lãi vay	06	1.158.745.103	9.258.667
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.527.852.660	34.166.836.413
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(64.485.025.937)	(2.106.555.689)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(23.819.885.503)	3.318.003.562
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(5.862.560.918)	(6.911.384.910)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	391.168.350	(185.098.382)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.158.745.103)	(9.258.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(724.682.474)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(92.131.878.925)	28.272.542.327
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.373.265.273)	(17.554.073.348)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.296.140.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	71.091.213.747	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.687.401.329	1.689.033.901
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	66.109.209.803	(15.865.039.447)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	10.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(1.200.000.000)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.000.000.000	(1.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(16.022.669.122)	11.207.502.880
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	23.720.320.781	12.510.181.537
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.697.651.659	23.717.684.417

Hà Nội ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Tâm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101476469 đăng ký lần đầu ngày 12/04/2004, thay đổi lần thứ 21 ngày 30/07/2021 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt: SARA.,JSC

Trụ sở chính của Công ty tại: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 431.999.740.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi một tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Tương đương với 43.199.974 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

Số cán bộ công nhân viên tại văn phòng công ty đến thời điểm 31/12/2023 là: 08 người

Lĩnh vực kinh doanh:

Kinh doanh trang thiết bị y tế.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Mua bán vật tư tiêu hao, phim ảnh, hóa chất y tế;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế.

Cấu trúc công ty:

Tại thời điểm 31/12/2023 công ty có 06 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty con sở hữu gián tiếp. Cụ thể như sau:

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
Các công ty sở hữu trực tiếp			
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Công nghệ cao Hạ Long Osaka	Lô A15, Cụm công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh	99,00%	Kinh doanh thiết bị nông nghiệp

- Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất Việt Nam Nhật Bản	Khu Công Nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang	98,22%	Kinh doanh thiết bị y tế
- Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm Y tế Việt	35 BT5 Khu Đô thị Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	98,00%	Sản xuất phần mềm
- Công ty Cổ phần Phòng khám Tân Triều	Tầng 1,2 số 1 Phúc Thịnh, Cầu Bươu, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	98,00%	Kinh doanh thiết bị y tế
- Công ty Cổ phần Phòng khám HealthCare Hậu Giang	Số 16, đường số 14, Khu vực 4, Phường III, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	98,00%	Kinh doanh thiết bị y tế, thực phẩm chức năng
- Công ty Cổ phần Phòng khám HealthCare Sóc Trăng	Tầng trệt số 438 đường Lê Duẩn, khóm 4, Phường 4, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	98,00%	Chưa đi vào hoạt động

Công ty con sở hữu gián tiếp

- Công ty Cổ phần Phòng khám HealthCare Quận 12 (*)	402 Tân Thới Hiệp 07, Khu Phố 4, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh	96,30%	Đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu
---	---	--------	---

(*) Sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Liên kết Sản xuất Việt Nam Nhật Bản.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 05 năm

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.15. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí đi vay vốn;
 - Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
 - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.18 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty Cổ phần SARA Việt Nam và các Công ty con, bao gồm:

Các công ty sở hữu trực tiếp

TT	Tên công ty con	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính
1	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Công nghệ cao Hạ Long Osaka	99,00%	99,00%	Lô A15, Cụm công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh
2	Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất Việt Nam Nhật Bản	98,22%	98,22%	Khu Công Nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang
3	Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm Y tế Việt	98,00%	98,00%	35 BT5 Khu Đô thị Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
4	Công ty Cổ phần Phòng khám Tân Triều	98,00%	98,00%	Tầng 1,2 số 1 Phúc Thịnh, Cầu Bươu, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
5	Công ty Cổ phần Phòng khám HealthCare Hậu Giang	98,00%	98,00%	Số 16, đường số 14, Khu vực 4, Phường III, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
6	Công ty Cổ phần Phòng khám HealthCare Sóc Trăng	98,00%	98,00%	Tầng trệt số 438 đường Lê Duẩn, khóm 4, Phường 4, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

Công ty con sở hữu gián tiếp

TT	Tên công ty con	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính
1	Công ty Cổ phần Phòng khám HealthCare Quận 12 (*)	96,30%	96,30%	402 Tân Thới Hiệp 07, Khu Phố 4, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	7.058.616.617	8.655.371.413
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	639.035.042	64.949.368
Các khoản tương đương tiền (*)	-	15.000.000.000
Tổng cộng	7.697.651.659	23.720.320.781

2. Các khoản đầu tư tài chính
(Chi tiết tại phụ lục số 01)

3. Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	27.288.144.973	56.674.471.473
Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	-	29.808.000.000
Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyễn	5.012.280.000	
Công ty CP Công nghệ Cao Y tế và môi trường Hạ Long Tokyo	2.881.440.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật cao Cần Thơ	6.850.000.000	1.603.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ cao Hạ Long Kyoto JWB Co.,Ltd	-	5.400.000.000
Kyoto F&B Co.,Ltd	3.606.791.099	10.686.131.913
Khác	8.067.763.200	7.843.286.400
Tổng cộng	27.288.144.973	56.674.471.473

4. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	270.559.163.327	259.272.724.500
Công ty TNHH Thiết bị Y học Nhật (1)	95.380.000.000	56.380.000.000
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản (2)	72.895.501.327	53.680.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Lou (3)	27.000.000.000	-
Công ty TNHH Môi trường Y Tế Công Nghệ Cao (4)	28.000.000.000	-
Các đối tượng khác	47.283.662.000	149.212.724.500
Tổng cộng	270.559.163.327	259.272.724.500

(1) Khoản ứng trước liên quan đến hợp đồng cung cấp thiết bị số 1201/2021/HĐKT/YHN-SRA ngày 12/01/2021. Theo Hợp đồng, công ty TNHH Thiết bị Y học Nhật cung ứng 02 lò đốt rác cho công ty CP Sara Việt Nam; Công ty CP Sara Việt Nam sẽ ứng trước 100% giá trị hợp đồng. Thời gian giao hàng là 3 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty CP Sara Việt Nam và Công ty TNHH Thiết bị Y học Nhật đã bổ sung 03 phụ lục hợp đồng, theo đó thời gian giao hàng chậm nhất là 31/12/2022.

- Khoản ứng trước theo Hợp đồng kinh tế số 0609/2023/HĐKT/HLOSAKA-YHN mua hệ thống xử lý rác ngày 05/09/2023 với Công ty TNHH thiết bị Y học Nhật. Thời gian giao hàng đến 13/03/2024.

(2) Là khoản ứng trước liên quan đến hợp đồng cung cấp thiết bị số: 1201/2021/HĐKT/KAN-SRA ngày 12/01/2021. Theo Hợp đồng, công ty CP Kanpeki cung cấp lò đốt rác y tế cho Công ty cổ phần Sara Việt Nam. Theo hợp đồng, công ty CP Sara Việt Nam sẽ ứng trước 100% giá trị hợp đồng; thời gian giao hàng là 3 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Đến thời điểm 31/12/2023 Công ty CP Sara Việt Nam và công ty CP Kanpeki đã có 03 phụ lục hợp đồng về việc gia hạn thời gian giao hàng trước ngày 31/12/2022.

- Khoản ứng trước theo Hợp đồng kinh tế Số: 1007/2023/HĐKT/HLOSAKA-KAN ngày 10/07/2023 ứng trước mua coffee Nhật Bản với Công ty CP Kanpenki Nhật Bản. Thời gian giao hàng đến 19/01/2024.

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam
 Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(3) Khoản ứng trước cho Công ty CP Đầu tư Lou theo Hợp đồng cung cấp thiết bị y tế số 0109/2023/HĐKT/VNNB-LOU ngày 01/09/2023.

(4) Khoản ứng trước cho Công ty TNHH Môi trường Y Tế Công Nghệ Cao theo Hợp đồng cung cấp thiết bị y tế số 3108/2023/HĐKT/VNNB-YTCNC ngày 31/08/2023.

5. Phải thu về cho vay	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	6.296.140.000	-
Công ty CP phòng khám Việt Nam - OSAKA (*)	6.296.140.000	
Cộng	6.296.140.000	-

(*) Đây là khoản cho công ty CP phòng khám Việt Nam - Osaka vay vốn theo Hợp đồng hỗ trợ vốn số 142/2023/YTE-VIETNAM OSAKA ngày 10/02/2023, số tiền hỗ trợ 2,5 tỷ đồng, thời hạn hỗ trợ 9 tháng, lãi suất 5%/năm và Phụ lục 01 gia hạn Hợp đồng hỗ trợ vốn ngày 15/11/2023 gia hạn thêm 06 tháng kể từ ngày hết thời hạn theo hợp đồng.

Hợp đồng hỗ trợ vốn số 1005/2023/HĐHT/YTE-VIETNAM OSAKA ngày 10/05/2023; Số tiền hỗ trợ: 6,4 tỷ đồng; Thời hạn: 06 tháng; Lãi suất: 5%/năm và Phụ lục số 01 gia hạn Hợp đồng hỗ trợ ngày 05/11/2023 gia hạn thêm 05 tháng kể từ ngày hết thời hạn theo hợp đồng.

6. Phải thu khác	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.311.709.348	-	788.586.937	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	2.540.634	-
Tạm ứng	73.338.000	-	646.146.303	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	31.000.000	-	137.000.000	-
Phải thu khác	1.207.371.348	-	2.900.000	-
b. Dài hạn	10.118.899.930	-	10.093.899.930	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	25.000.000	-	-	-
Phải thu khác (*)	10.093.899.930	-	10.093.899.930	-
Cộng	11.430.609.278	-	10.882.486.867	-

(*) Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sara Vũng Tàu (1)	6.171.700.000	6.171.700.000
Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ (2)	3.922.199.930	3.922.199.930
Tổng cộng	10.093.899.930	10.093.899.930

(1) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty CP Sara Vũng Tàu trong Dự án "Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm - không khói trên địa bàn Bà Rịa Vũng Tàu" theo HĐ hợp tác kinh doanh số 02/2020/HĐHT/SRAVN-SRAVT ngày 05/06/2020, tổng vốn dự kiến là 123.434.000.000 VND trong đó Công ty CP Sara Việt Nam góp 58.013.980.000 VND tương đương 47% tổng vốn, thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 47:53.

- Theo PLHĐ số 01/PLHĐ/1203/2021/SRA-SARAVT ngày 12/03/2021 thay đổi về tỷ lệ góp vốn vào dự án của Công ty CP SARA Việt Nam là 5% tổng vốn đầu tư và lợi nhuận phân chia là 5% lợi nhuận sau thuế.

- Đến năm 2021, Công ty CP SARA Việt Nam đã thu hồi số tiền 51.942.780.000 VND

- Đến thời điểm 31/12/2023, số dư khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty CP SARA Vũng Tàu là 6.171.700.000 VND. Hiện tại dự án vẫn trong giai đoạn hoàn thiện.

- Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có Báo cáo thẩm định số 20/BC- SKHĐT ngày 25/01/2024 v/v điều chỉnh dự án Khu xử lý chất thải tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm không khói của Công ty CP Sara Vũng Tàu và công ty CP Sara Việt Nam: Thông qua phương án điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án của Công ty Cổ phần Sara Vũng Tàu cụ thể: Giai đoạn 01: Hoạt động chính thức trong Quý IV/2024; Giai đoạn 2: Đi vào hoạt động chính thức vào Quý IV/2024.

(2) Là khoản đầu tư Hợp tác kinh doanh với Công ty CP Sara Phú Thọ trong dự án trong dự án "Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm không khói" theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 1808/2016 HĐHT-SRAVN-SRAPT ngày 15/11/2016, tổng vốn dự kiến của Dự án là 78.443.998.595 VND, trong đó Công ty CP SARA Việt Nam góp 3.922.199.930 VND tương đương 5% tổng vốn, thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 5:95. Ngày 17/08/2022 dự án đã được Sở Tài Nguyên Môi Trường cấp giấy phép môi trường số 179/GPHĐ-BTNMT.

7. Nợ xấu

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	6.850.000.000	4.795.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật cao Cần Thơ	6.850.000.000	4.795.000.000		
Cộng	6.850.000.000	4.795.000.000	-	-

8. Hàng tồn kho	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	101.663.700		-	
Công cụ, dụng cụ	-		62.842.503	
Hàng hoá	49.705.284.611	(1.540.000.000)	25.924.220.305	
Tổng cộng	49.806.948.311	(1.540.000.000)	25.987.062.808	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 1.540.000.000 VND.

- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Hàng, không còn sử dụng

9. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công trình lò đốt rác tại Lạng Sơn	436.085.000	436.085.000
Dự án công trình nhà xưởng tại KCN Nam Sơn	311.091.818	311.091.818
Chi phí mua sắm trang thiết bị, phần mềm tại phòng khám của các công ty con	37.405.160.000	63.818.661.568
Tổng cộng	38.152.336.818	64.565.838.386

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	3.485.124.014	3.485.124.014
- Mua trong năm	1.373.265.273	1.373.265.273
- Đầu tư XDCB hoàn thành		-
- Thanh lý, nhượng bán		-
- Giảm khác		-
Số cuối năm	4.858.389.287	4.858.389.287
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	2.439.586.801	2.439.586.801
- Khấu hao trong năm	428.035.591	428.035.591
Số cuối năm	2.867.622.392	2.867.622.392
Giá trị còn lại		-
Tại ngày đầu năm	1.045.537.213	1.045.537.213
Tại ngày cuối năm	1.990.766.895	1.990.766.895

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam
 Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

11. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	84.094.553	351.858.665
- Công cụ dụng cụ	84.094.553	345.858.665
- Chi phí thuê mặt bằng		6.000.000
b. Dài hạn	1.247.820.708	1.371.224.946
- Công cụ dụng cụ	50.494.324	151.781.314
- Chi phí thuê mặt bằng	1.197.326.384	1.219.443.632
Tổng cộng	1.331.915.261	1.723.083.611

12. Phải trả người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn	9.011.980.036	9.011.980.036	14.469.861.762	14.469.861.762
Công ty cổ phần cơ khí Trung Tân	1.150.050.000	1.150.050.000	1.150.050.000	1.150.050.000
Công ty CP phòng khám Medicare Ngã Bảy	1.276.000.000	1.276.000.000	-	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dụng cụ Y khoa 3P	1.268.700.000	1.268.700.000	1.268.700.000	1.268.700.000
Công ty CP Đầu Tư Bệnh Viện Việt Mỹ	776.000.000	776.000.000	5.560.000.000	5.560.000.000
Công ty CP Vinam	-	-	2.372.982.174	2.372.982.174
Công ty TNHH Thiết bị và dụng cụ Y khoa 3P	1.268.700.000	1.268.700.000		-
Công ty CP Phòng khám Medicare Cần Thơ	2.887.500.000	2.887.500.000		-
Khác	385.030.036	385.030.036	4.118.129.588	4.118.129.588
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	9.011.980.036	9.011.980.036	14.469.861.762	14.469.861.762

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
 (Chi tiết tại phụ lục số 2)

14. Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	97.397.260	39.000.000
- Lãi vay	7.397.260	-
- Khác	90.000.000	39.000.000
b. Dài hạn	-	-
Tổng cộng	97.397.260	39.000.000

15. Phải trả khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	852.430.777	856.308.181
Kinh phí công đoàn	9.608.573	9.608.573
Bảo hiểm xã hội	3.830.814	15.943.077
Bảo hiểm y tế	676.026	1.802.736
Bảo hiểm thất nghiệp	300.456	801.216
Các khoản phải trả, phải nộp khác	838.014.908	828.152.579
b. Dài hạn	-	-
Tổng cộng	852.430.777	856.308.181

16. Vay và nợ thuê tài chính
 (Chi tiết phụ lục số 03)

17. Dự phòng phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	2.116.800.000	-
- Dự phòng bảo hành, bảo trì và chi phí vận hành phần mềm	2.116.800.000	-
Dài hạn	-	2.116.800.000
- Dự phòng bảo hành, bảo trì và chi phí vận hành phần mềm	-	2.116.800.000
Cộng	2.116.800.000	2.116.800.000

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu
 (Chi tiết phụ lục số 04)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND
Tổ chức, cá nhân khác	100,0%	431.999.740.000	100,0%	431.999.740.000
Tổng cộng	100%	431.999.740.000	100%	431.999.740.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	431.999.740.000	431.999.740.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	431.999.740.000	431.999.740.000

	Số cuối năm	Số đầu năm
d. Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.199.974	43.199.974
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.199.974	43.199.974
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.199.974	43.199.974
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.199.974	43.199.974
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.199.974	43.199.974
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP		
f. Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	2.863.107.311	2.863.107.311
19. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nợ khó đòi đã xử lý	950.000.000	950.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Phước Thủy	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần tư vấn Kiến trúc đô thị UAC	450.000.000	450.000.000
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	40.803.491.146	69.494.721.774
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	3.546.836.468
- Doanh thu bán phần mềm	-	30.353.025.000
- Doanh thu bán thành phẩm	-	3.936.000.000
- Doanh thu khác		
Tổng cộng	40.803.491.146	107.330.583.242
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chiết khấu thương mại	28.819.074	-
- Hàng bán bị trả lại	-	26.902.982
Tổng cộng	28.819.074	26.902.982
3. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn bán hàng hóa	32.044.218.063	58.485.914.499
- Giá vốn cung cấp dịch vụ		2.433.838.273
- Giá vốn bán phần mềm		3.045.902.642
- Giá vốn bán thành phẩm		1.850.463.871
Tổng cộng	32.044.218.063	65.816.119.285
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	2.687.401.329	45.302.291
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.935.239.396	
- Chênh lệch tỷ giá	212.224.278	176.502.548
Tổng cộng	4.834.865.003	221.804.839

	Năm nay VND	Năm trước VND
5. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	1.158.745.103	9.258.667
- Chênh lệch tỷ giá	152.429.612	
Tổng cộng	1.311.174.715	9.258.667
6. Thu nhập khác		
- Thu phạt hợp đồng kinh tế	2.117.786.301	
- Thanh lý tài sản cố định		602.309.012
- Thu nhập khác	24.962.590	1.617.515
Tổng cộng	2.142.748.891	603.926.527
7. Chi phí khác		
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	4.942.868	186.233.727
- Khấu hao loại trừ	221.322.074	56.527.777
- Khác		10.384.776
Tổng cộng	226.264.942	253.146.280
8. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Chi phí bán hàng	1.267.098.917	1.400.659.153
- Chi phí nguyên, vật liệu	306.305.547	
- Chi phí nhân công	960.793.370	1.352.156.301
- Chi phí khác		48.502.852
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.937.658.105	6.189.201.819
- Chi phí nguyên, vật liệu	73.110.862	
- Chi phí nhân công	2.900.202.456	2.680.258.060
- Chi phí đồ dùng văn phòng	6.027.081	4.504.819
- Chi phí khấu hao	290.427.000	464.137.398
- Thuế, phí, lệ phí	34.213.000	60.683.189
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.264.160.432	2.123.859.877
- Chi phí khác bằng tiền	314.517.274	855.758.476
- Chi phí dự phòng	2.055.000.000	-
Tổng cộng	9.204.757.022	7.589.860.972
9. Chi phí sản xuất theo yếu tố		
	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	385.443.490	2.394.035.436
- Chi phí nhân công	3.696.695.826	6.993.691.826
- Chi phí khấu hao	428.035.591	520.665.175
- Thuế, phí, lệ phí	34.213.000	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.230.957.156	3.146.623.959
- Chi phí khác bằng tiền	314.517.274	1.865.049.362
- Chi phí dự phòng	1.540.000.000	
Tổng cộng	8.629.862.337	14.920.065.758

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.742.535	723.053.450
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.742.535	723.053.450
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.884.724.338	33.164.052.176
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.884.724.338	33.164.052.176
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	43.199.974	43.199.974
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	113	768

VII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.697.651.659		23.720.320.781	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.718.754.251	(2.055.000.000)	67.556.958.340	-
Các khoản cho vay	6.296.140.000		-	-
Đầu tư ngắn hạn	40.000.000.000	-	-	-
Tổng cộng	92.712.545.910	(2.055.000.000)	91.277.279.121	-
Nợ phải trả tài chính			Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ			10.000.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác			9.864.410.813	15.326.169.943
Chi phí phải trả			97.397.260	39.000.000
Tổng cộng			19.961.808.073	15.365.169.943

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.697.651.659			7.697.651.659
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.599.854.321	10.118.899.930		38.718.754.251
Các khoản cho vay	6.296.140.000	-		6.296.140.000
Đầu tư ngắn hạn	40.000.000.000			40.000.000.000
Tổng cộng	82.593.645.980	10.118.899.930	-	92.712.545.910
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.720.320.781			23.720.320.781
Phải thu khách hàng, phải thu khác	57.463.058.410	10.093.899.930		67.556.958.340
Tổng cộng	81.183.379.191	10.093.899.930	-	91.277.279.121

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Phải trả người bán, phải	9.864.410.813	-	-	9.864.410.813
Chi phí phải trả	97.397.260	-	-	97.397.260
Tổng cộng	19.961.808.073	-	-	19.961.808.073
Số đầu năm				
Phải trả người bán, phải	15.326.169.943	-	-	15.326.169.943
Chi phí phải trả	39.000.000	-	-	39.000.000
Tổng cộng	15.365.169.943	-	-	15.365.169.943

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

2. Giao dịch với bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Minh Tâm	Tổng Giám đốc

b. Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Thu nhập hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc

	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Minh Tâm	385.000.000	175.192.380
Tổng cộng	385.000.000	175.192.380

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

4. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Tâm

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam

Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Văn Tử Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Phụ lục số 01

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-

(1) Bao gồm:

Tiền gửi có kỳ hạn 04 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, lãi suất 3,85%/năm

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	204.227.000.000	204.227.000.000		204.227.000.000
Trung tâm sản nhi Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ (2)	204.227.000.000	(*)		204.227.000.000 (*)

(2) Là khoản đầu tư vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ để đầu tư xây dựng Trung tâm Sản nhi thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng góp vốn số 01/2019/HĐ/BVĐKPT-SRA ngày 24 tháng 09 năm 2019 và Phụ lục số 01/2019/HĐ/BVĐKTTTP/SRA ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Phụ lục số 02/2019/HĐ/BVĐKTTTP/SRA ngày 29 tháng 10 năm 2019, số tiền góp vốn là 204.227.000.000 VND. Đến thời điểm hiện tại, Trung tâm sản nhi (nay là Bệnh viện Sản nhi tỉnh Phú Thọ) đã đi vào hoạt động nhưng chưa quyết toán được chi phí đầu tư nên chưa xác định được tỷ lệ lợi ích của các bên làm cơ sở phân chia lợi nhuận.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam

Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Phụ lục số 02

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong kỳ, kết chuyển trong năm		Số đã nộp/khấu trừ trong năm		Số phải thu cuối năm		Đơn vị tính: VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Thuế GTGT	-	231.906.643	307.318.561	539.225.204	-	-	-	-	VND
Thuế TNDN	-	672.633.333	55.791.676	724.682.474	-	-	-	3.742.535	VND
Thuế TNCN	-	197.208.307	83.328.935	229.254.573	-	-	-	51.282.669	VND
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-	-	-	VND
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	36.945.951	36.945.951	-	-	-	-	VND
Tổng cộng	-	1.101.748.283	483.385.123	1.530.108.202	-	-	-	55.025.204	VND

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam

Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Ván Tú Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Phụ lục số 03

16. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
Ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	
Tổng cộng	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	

(1): Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/8870346/HĐTD ngày 19/01/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty CP Sara Việt Nam

- Hạn mức cấp tín dụng: 10.000.000.000 VND

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C

- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

- Lãi suất: Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể

- Biện pháp bảo đảm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AO 053846, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số GCN: 02160/1825/QĐ-UBND do UBND quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2008, mang tên bà Phạm Ánh Hồng. Ngày 09/7/2009, Văn phòng Đăng ký đất và Nhà quận Hoàng Mai xác nhận đăng ký sang tên theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển quyền sử dụng đất số 4806/2009/HĐMB/Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD được lập tại trụ sở Phòng công chứng số 6 – TP Hà Nội ngày 18/06/2009 cho: Bà Nguyễn Phương Hạnh

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/8870346/HĐBĐ ngày 13/1/2023 giữa bà Nguyễn Phương Hạnh, ông Lê Văn Hương và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội

- Số dư tại ngày 31/12/2023: 10.000.000.000 VND

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam

Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Ván Tú Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Phụ lục số 04

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	431.999.740.000	(70.000.000)	2.863.107.311	156.499.726.633	2.282.601.974	593.575.175.918
- Lãi trong năm trước				33.164.052.176	573.920.796	33.737.972.972
- Tăng khác					2.900.000.000	2.900.000.000
- Chi phí tăng vốn		(123.750.000)				(123.750.000)
- Cổ tức					(20.408.164)	(20.408.164)
- Giảm khác				(146.729.584)		(146.729.584)
Số dư đầu năm nay	431.999.740.000	(193.750.000)	2.863.107.311	189.517.049.225	5.736.114.606	629.922.261.142
- Lãi trong năm nay	-	-	-	4.884.724.338	77.404.351	4.962.128.689
- Tăng/giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	(525.290.883)	(525.290.883)
- Cổ tức	-	-	-	-	(33.429.120)	(33.429.120)
- Tăng/giảm khác	-	-	-	(377.078.280)	377.078.280	-
Số dư cuối năm nay	431.999.740.000	(193.750.000)	2.863.107.311	194.024.695.283	5.631.877.234	634.325.669.828